



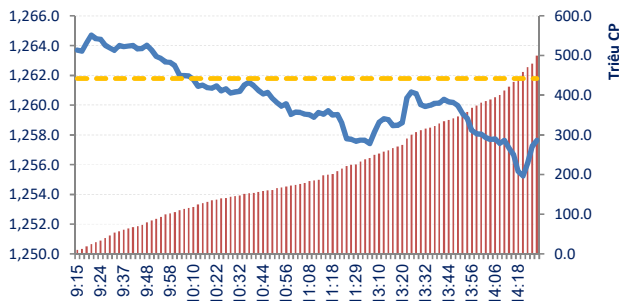
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/10/2024

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,258.63	225.88
% Thay đổi	↓ -0.25%	↑ 0.14%
KLGD (CP)	491,377,671	61,113,861
GTGD (tỷ đồng)	12,682.38	969.16
Tổng cung (CP)	1,932,683,246	81,081,500
Tổng cầu (CP)	2,226,630,052	64,371,800

Diễn biến VN-INDEX



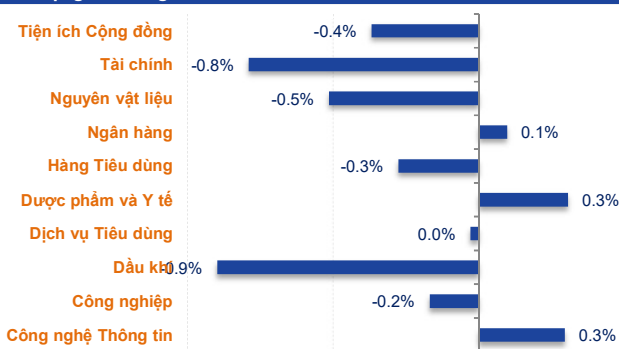
Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

-56.28	HPG	PDR	22.83
-70.17	SSI	DXG	25.14
-73.27	VHM	FPT	108.87
-83.69	STB	TCB	124.73
-90.13	MSN	VPB	141.09

GT Bán : -1688.09

1538.06 : GT Mua

Biến động nhóm ngành



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau 02 phiên giao dịch phục hồi ở vùng hỗ trợ 1.250 điểm. VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh ở kháng cự quanh 1.265 điểm. Kết phiên VN-INDEX giảm -3,15 điểm (-0,25%) về mức 1.258,63 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên giao dịch trước với khối lượng khớp lệnh -3,18% tại HOSE. Thể hiện áp lực điều chỉnh tương đối bình thường. Thị trường phân hóa, nghiêng về tiêu cực khi có 170 mã giảm giá, 143 cổ phiếu tăng giá và 57 cổ phiếu giữ giá tham chiếu. Các cổ phiếu tích cực tập trung nhiều những mã có kết quả kinh doanh quý III tăng trưởng tốt. Khối ngoại duy trì bán ròng trong phiên hôm nay với -143,88 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2411 tăng +2,60 điểm (+0,19%), đóng cửa tại 1.342 điểm. Chênh lệch +8,15 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2412 VN30F2503 VN30F2506 chênh lệch từ +7,45 điểm đến +10,75 điểm so với VN30, độ chênh lệch lớn cho thấy tâm lý lạc quan của các nhà đầu tư trên thị trường. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tuy có sự cải thiện +14,11% so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Đáng chú ý trong phiên hôm nay, Khối Ngoại Short ròng -2.379 hợp đồng, Tự Doanh Long ròng +1.143 hợp đồng. Trong phiên giao dịch hôm nay, VN30F2411 tiếp tục kiểm định khá tốt vùng 1.340 điểm, kỳ vọng ngắn hạn tiếp tục giữ vững để tiến tới kiểm định vùng kháng cự 1.370 phía trên. Khối lượng mở OI hôm nay là 51.608 không biến động nhiều so với phiên gần nhất là 51.979 cho thấy động thái gần như giữ nguyên các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX duy trì tích lũy trên vùng hỗ trợ khá mạnh quanh 1.250 điểm, vùng giá cao nhất năm 2023, cũng như giá trung bình 200 phiên hiện nay, kháng cự gần nhất quanh 1.270 điểm. Xu hướng trung hạn VN-INDEX tăng trưởng trên vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, hướng đến vùng giá 1.300 điểm. Trong đó vùng giá 1.300 điểm, vùng kháng cự rất mạnh tương ứng vùng giá cao nhất đầu năm 2024 và đỉnh giá tháng 06-08/2022. Thị trường chỉ có thể vượt qua các vùng kháng cự này khi có các yếu tố hỗ trợ vĩ mô tốt. Đồng thời các yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị như cuộc chiến Nga - Ukraine, Trung Đông hạ nhiệt.

Trong ngắn hạn, thị trường đang có diễn biến khá cân bằng trong vùng giá 1.250 điểm, phân hóa khá tích cực với những mã cơ bản tốt, duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng, mở ra các vị thế mua lướt, tích lũy cổ phiếu tốt hơn. Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Tỉ trọng dưới mức trung bình có thể xem xét, chọn lọc giải ngân các mã cơ bản tốt, có quý III tăng trưởng tốt, kỳ vọng tiếp tục duy trì tăng trưởng trong cuối năm. Với mức dừng lỗ ngắn hạn tương ứng VN-INDEX vùng giá 1.250 điểm. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã cổ phiếu đầu ngành, nền tảng cơ bản tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/10/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
VLB	39.92	36-37	42-44	34	8.8	44.0%	147.6%	Theo dõi giải ngân
SIP	74.20	68-70	76-78	66	13.1	16.0%	55.7%	Theo dõi giải ngân
LHG	36.45	32-34	39-40	30	9.1	34.4%	31.6%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.70	38-39	44-45	36	13.2	21.8%	19.3%	Theo dõi giải ngân
CMG	52.70	50.5-52.5	57-58	48	30.9	1.2%	-0.8%	Theo dõi giải ngân
IDC	55.20	53-54.5	61-62	51	8.3	-10.8%	-19.0%	Theo dõi giải ngân
SCS	74.30	72-74	81-82	69	11.6	55.0%	45.6%	Theo dõi giải ngân
PHP	29.04	27.5-28.5	32-33	26	12.5	18.4%	162.2%	Theo dõi giải ngân
DTD	25.70	24.5-25.5	30-31	23	10.5	97.4%	171.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.58	16.8	26-28	15.5	-7.3%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	34.60	33.2	40-41	35	4.2%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	12.05	12.8	14.4-14.8	13	-5.9%	Nắm giữ
8/8/2024	BSR	21.50	21.9	27-28	22	-1.8%	Nắm giữ

TIN NỔI BẬT

STB: lãi trước thuế quý 3 gần 2,752 tỷ, tăng 32% yoy

KQKD chủ yếu đến từ hoạt động cốt lõi, STB ghi nhận hơn 6.365 tỷ đồng thu nhập lãi thuần (+31% yoy). Lãi từ dịch vụ cũng tăng 5% yoy lên 756 tỷ đồng. Một số nguồn thu ngoài lãi sụt giảm so với cùng kỳ như kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán đầu tư, hoạt động khác.

Chi phí hoạt động tăng 9% yoy cũng như chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của STB tăng 45% yoy. Cuối quý, LNTT của STB vẫn đạt 2.752 tỷ đồng, tăng mạnh 32% yoy. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, Ngân hàng lãi trước thuế 8.094 tỷ đồng (+18% yoy). Qua đó, Sacombank thực hiện được 76% mục tiêu 10.600 tỷ đồng lãi trước thuế đề ra cho cả năm 2024. Tỷ lệ nợ xấu trên dự nợ vay tăng từ mức 2,28% đầu năm lên 2,47%.

NVL: Lãi đột biến trong Q3/2024 nhưng lỗ lũy kế còn 4,1 nghìn tỷ đồng

Trong quý 3, doanh thu thuần của NVL vượt hơn 2 ngàn tỷ đồng, tăng 87% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính gấp 2.4 lần, đạt gần 3.9 ngàn tỷ đồng. Theo đó, NVL lãi ròng hơn 3,1 ngàn tỷ đồng trong quý 3/2024, gấp hơn 18 lần yoy. Nửa đầu năm Công ty lỗ ròng hơn 7.2 ngàn tỷ đồng do phải thực hiện trích lập dự phòng và chi phí tài chính tăng thêm và đồng thời đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản phải trả có số dư gốc ngoại tệ và lỗ từ thanh lý công ty con. Hệ quả, lũy kế 9 tháng đầu năm, NVL vẫn còn lỗ ròng hơn 4.1 ngàn tỷ đồng. Tính đến hết Q3/2024, nợ vay ghi nhận tăng 4%, lên 59,8 ngàn tỷ đồng, chiếm phần lớn vẫn là dư nợ trái phiếu với gần 38,9 ngàn tỷ đồng.

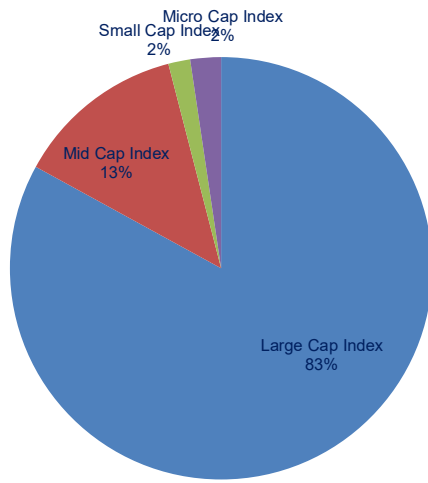
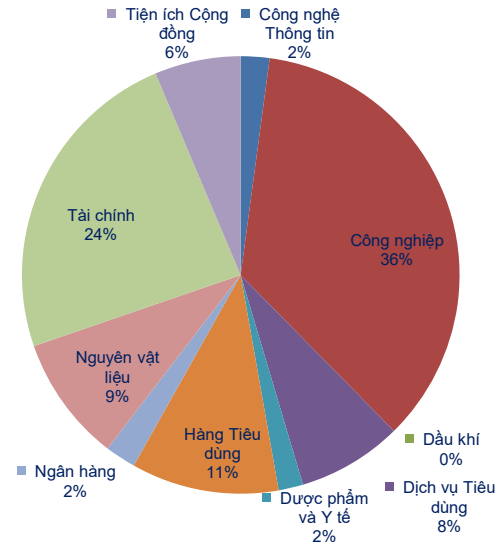
Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc: Phân đấu năm 2024, CPI không vượt quá 4%

Trên cơ sở tổng hợp thông tin và cập nhật dự báo xu hướng giá các mặt hàng quan trọng, thiết yếu là trọng tâm của công tác quản lý, điều hành giá, tổng hợp các thông tin đánh giá của Bộ KH&ĐT, NHNN về các yếu tố tác động đến lạm phát năm 2024, Bộ Tài chính cập nhật 2 kịch bản điều hành giá. Theo đó, kịch bản 1, dự báo CPI bình quân năm 2024 tăng khoảng 3.7% so với năm 2023. Kịch bản 2, dự báo CPI bình quân năm 2024 tăng khoảng 3.92% so với năm 2023.

Giả định CPI các tháng còn lại tăng đều một tỉ lệ như nhau so với tháng trước thì trong thời gian còn lại của năm 2024, CPI còn dư địa tăng khoảng 0.98-1.95% để đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát bình quân năm 2024 trong khoảng 4.0-4.5%. Trên cơ sở cập nhật kịch bản và dự báo tình hình trong nước, thế giới, Bộ Tài chính đã kiến nghị các giải pháp điều hành giá các tháng còn lại của năm 2024.

Thứ trưởng Bộ Tài chính: Nguồn vốn để thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao đã được chuẩn bị kỹ càng

Thứ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Danh Huy cho biết: Bộ GTVT đã dành 18 năm để nghiên cứu về việc xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao. Dự báo về nhu cầu vận tải, Bộ GTVT nhận thấy thời điểm này thích hợp, cần thiết để xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam nhằm tái cơ cấu lại thị phần vận tải một cách thích hợp. Bên cạnh đó, thời điểm này, quy mô nền kinh tế của Việt Nam đã đạt 430 tỷ USD, nợ công chưa phải quá cao do đó các điều kiện về nguồn lực cơ bản không phải là thách thức lớn. Về mặt kỹ thuật, Bộ GTVT đã có kiến giải về lựa chọn tốc độ 350 km/giờ, hay công nghệ sử dụng tại sao là vận tải hành khách mà không phải hàng hoá... những vấn đề này Bộ GTVT đã kiến giải qua 10 năm nghiên cứu với sự tham gia của nhiều chuyên gia các nước trên thế giới cũng như các đoàn công tác liên ngành học tập tại 6 nước có đường sắt tốc độ cao phát triển. Đối với vấn đề nguồn lực thực hiện dự án, Thứ trưởng Bộ Tài chính Bùi Văn Khánh khẳng định: Công tác chuẩn bị tài chính cho dự án đường sắt tốc độ cao đã sẵn sàng để đảm bảo được nguồn lực về tài chính ở mức cao nhất theo lộ trình phê duyệt và tiến độ thực hiện dự án theo đúng chủ trương Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE
Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm ngành

Top vốn hóa

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	514,196	19.5%	5,962	15.4	2.8
BID	271,056	18.1%	4,006	11.9	2.0
FPT	199,183	23.1%	5,127	26.4	5.6
CTG	187,681	15.7%	3,782	9.2	1.4
VHM	186,149	12.2%	5,350	8.0	0.9

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	31,820,300	12.2%	5,350	8.0	0.9
VIB	21,736,400	20.5%	2,597	7.2	1.2
SSB	19,975,100	15.1%	1,652	10.0	1.3
STB	17,096,800	17.6%	4,340	7.8	1.3
VPB	15,367,912	9.4%	1,672	12.1	1.1

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	↑ 7.0%	2.0%	99	67.6	1.4
ASP	↑ 7.0%	-6.1%	(652)	-	0.5
TDH	↑ 7.0%	-16.0%	(540)	-	0.8
DC4	↑ 6.9%	24.3%	2,892	3.8	0.8
SC5	↑ 6.9%	10.2%	2,433	8.3	0.8

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HRC	↓ -7.0%	3.5%	640	71.6	2.5
TTE	↓ -6.9%	-2.0%	(219)	-	2.5
SVI	↓ -6.9%	9.7%	6,313	11.0	1.1
DPG	↓ -6.9%	9.5%	3,612	15.8	1.4
YBM	↓ -6.7%	7.5%	958	12.5	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	6,965,700	9.4%	1,672	12.1	1.1
TCB	5,231,200	16.4%	3,207	7.4	1.2
DXG	1,522,500	1.2%	272	60.0	0.8
EIB	1,123,100	11.6%	1,447	13.8	1.5
PDR	1,080,537	4.2%	566	37.4	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	(2,644,580)	12.0%	1,562	17.1	1.6
STB	(2,419,802)	17.6%	4,340	7.8	1.3
HPG	(2,091,623)	10.7%	1,746	15.5	1.6
VHM	(1,710,897)	12.2%	5,350	8.0	0.9
MSN	(1,166,558)	3.3%	926	84.2	2.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan,
235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
